

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 09- 6 -2026.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc

2. Bà Đặng Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mỹ Dung - là thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2026/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn N, xã K, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Xóm G, thôn N, xã K, tỉnh L.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng H yêu thương và tự nguyện tìm hiểu trong khoảng thời gian 01 năm sau đó tiến đến hôn nhân. Vợ chồng tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và chung sống với nhau từ đầu năm 2000, sau khi cưới khoảng 6 tháng thì bà mang thai, sau đó, sau khi sinh con thì vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh L vào ngày 25/6/2001. Sau khi kết hôn khoảng 2 – 3 năm (vào khoảng 2003 – 2004) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau. Ông H thường xuyên nghe chuyện ngoài đường về dựng chuyện và chửi bà, có lúc còn đánh đuổi bà.

Trong quá trình làm ăn, vợ chồng làm vườn, bà là người quản lý tiền, thu chi, ông H chỉ biết làm. Làm vườn thì cũng có lúc có thu, có lúc lỗ nhưng ông H không biết đến lỗ, ông H chỉ cho rằng đã làm thì phải có tiền. Đến khi có việc đụng đến tiền bạc, bà nói ông H để cùng lo toan trong gia đình thì ông H cho rằng bà là người giữ tiền thì bà phải lo, ông H không quan tâm. Những lúc bà lo được thì không sao, lúc bà không lo được thì vợ chồng sinh ra cãi nhau. Khi vợ chồng cãi nhau có lúc ông H còn đánh đuổi bà đi. Cứ 5 – 7 ngày lại quậy một lần. Khi vợ chồng cãi nhau, ông H đánh đuổi bà thì ông H luôn nói tất cả tài sản trong gia đình là của ông H và nói bà đi ra tay không. Năm 2012 vì mâu thuẫn nghiêm trọng bà đã dẫn con nhỏ đi thành phố H thì ông H có đi tìm và năn nỉ bà quay về. Sau khi bà quay về, bao nhiêu năm chung sống ông H không sửa đổi nhưng vì lúc đó con bà còn nhỏ, bà đã cố gắng chịu đựng vì con để nuôi con khôn lớn.

Cho đến năm 2024 vợ chồng lại mâu thuẫn trầm trọng cũng những vấn đề làm ăn, tiền bạc và cũng vấn đề như từ trước đến nay, vợ chồng sống chung một nhà nhưng chẳng còn tình cảm mà tự ly thân. Mâu thuẫn cứ tiếp diễn triền miên như vậy cho đến vào khoảng giữa năm 2025, có một ngày ông H đi nhậu về chửi bới, đánh đuổi bà thì bà đã đi khỏi nhà luôn cho đến nay. Từ lúc bà đi khỏi nhà vào giữa năm 2025 thì ông H không năn nỉ và cũng không níu kéo bà nữa. Tình cảm vợ chồng đã không còn từ lâu nhưng lâu nay bà cố gắng gồng gánh và chịu đựng vì con cái. Nay con cái đã lớn, bà không muốn phải chịu đựng thêm nữa, bà muốn được ly hôn để được giải thoát cho mình.

- Về con chung:

Bà Lê Thị V xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 15/02/2001, (đã có gia đình riêng), Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 23/6/2002 (đã đi làm và có thu nhập riêng); Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 23/3/2007, hiện đã trên 18 tuổi, đang học đại học. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành, bà V không yêu cầu, đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hoàng H đến Tòa án để làm việc, lấy lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Hoàng H vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với các lời trình bày của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho

bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H được ly hôn; về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Lê Thị V có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà V, ông Nguyễn Hoàng H theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho bà V, ông Nguyễn Hoàng H theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H đã được Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2001 ngày 25/6/2001. Thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn, theo bà V việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Ông H không phản hồi hoặc cung cấp tài liệu nào xác định là việc kết hôn không tự nguyện. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo bà Lê Thị V thì sau khi vợ chồng kết hôn khoảng hai đến ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau. Ông H thường xuyên nghe chuyện ngoài đường về dựng chuyện và chửi bà V, có lúc còn đánh và đuổi bà V đi. Những lúc đụng đến chuyện tiền bạc thì ông bỏ mặc mình bà V tự lo toan, bà V không lo toan được thì vợ chồng cãi nhau. Có lúc cãi nhau ông H còn đánh đuổi bà V đi. Cứ 5 – 7 ngày thì lại quậy một lần. Những lúc vợ chồng cãi nhau và đuổi bà V đi ông H cho rằng tài sản trong gia đình là của mình ông và bắt bà V ra đi tay không. Bà đã vì con mà chịu đựng để nuôi con khôn lớn. Đến năm 2024 vợ chồng sống chung một nhà nhưng

đã tự ly thân nhau, ông H nhấn tin, chửi bới bà. Đến giữa năm 2025 ông H đi nhận về chửi bới, đánh đuổi bà thì bà đi khỏi nhà từ đó đến nay, không quay về nữa. Vợ chồng cũng chính thức ly thân từ đó đến nay.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của người thân trong gia đình của bà V và ông Nguyễn Hoàng H. Người thân của bà V và ông H xác nhận vợ chồng bà V trong cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, hôn nhân của bà V và ông H không hạnh phúc. Trong cuộc sống gia đình, ông H là người không thương vợ, vô trách nhiệm với vợ. Khi đụng đến chuyện tiền bạc trong gia đình ông H không quan tâm, chia sẻ trách nhiệm với vợ cùng lo toan mà để mình vợ tự lo. Vợ chồng bà V đã sống ly thân từ khoảng hơn một năm nay.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn. Phía ông Nguyễn Hoàng H, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng ông H không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà V thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, cho bà V và ông Nguyễn Hoàng H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Bà Lê Thị V xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 15/02/2001, Nguyễn Hoàng D, sinh ngày: 23/6/2002; Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 23/3/2007. Trong đó cháu K và cháu D đã đi làm và có thu nhập riêng (cháu K đã có gia đình riêng), cháu V1 đã trên 18 tuổi và hiện đang học đại học.

Việc nuôi cháu V1 ăn học đại học bà V và ông H đều có trách nhiệm cùng chu cấp.

Xét thấy các con chung của bà V và ông H đã đủ tuổi trưởng thành, không thuộc trường hợp phải nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Lê Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Ông Nguyễn Hoàng H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị V đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng H.

Cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn Hoàng H được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyền số 01/2001, ngày 25/6/2001 của Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh L chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà Lê Thị V đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0004084 ngày 12/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Lê Thị V đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Hoàng H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2- Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã K, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc

